

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Căn cứ vào Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 và 119 của Luật hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 432/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2022 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Anh Phạm Thành C, sinh năm 1979; địa chỉ: đường I, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Chị Phạm Thị Bích T, sinh năm 1982; địa chỉ: đường I, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Thành C và chị Phạm Thị Bích T thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Phạm Thành C và chị Phạm Thị Bích T xác nhận có 02 con chung: Phạm Thành Hoài N, sinh ngày 23/7/2008; Phạm Thành Hoài G, sinh ngày 07/10/2014.

Trên cơ sở nguyện vọng của các con chung, anh C và chị T tự nguyện thỏa thuận: Giao 02 con chung Phạm Thành Hoài N, Phạm Thành Hoài G cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi); anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi con chung mỗi tháng 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng), tổng cộng hai con chung cấp dưỡng mỗi tháng 5.000.000 đồng

(năm triệu đồng); thời gian cấp dưỡng: Kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Phạm Thành C và chị Phạm Thị Bích T xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Phạm Thành C và chị Phạm Thị Bích T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn; được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0003470 ngày 28/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 28 tháng 7 năm 2022), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## **QUYẾT ĐỊNH**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Thành C và chị Phạm Thị Bích T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao 02 con chung Phạm Thành Hoài N, Phạm Thành Hoài G cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi); anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi con chung mỗi tháng 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng), tổng cộng hai con chung cấp dưỡng mỗi tháng 5.000.000 đồng (năm triệu đồng); thời gian cấp dưỡng: Kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được

thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Phạm Thành C và chị Phạm Thị Bích T xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Phạm Thành C và chị Phạm Thị Bích T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn; được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0003470 ngày 28/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2004; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận :**

- Các đương sự;
- VKSNDTP Huế;
- THATP Huế;
- TAND Tỉnh TTHuế;
- UBND p. P, tp. Huế (ĐKKH số 81/2008 ngày 06/9/2008);
- Lưu.

**THẨM PHÁN**

***Lê Thúc Mỹ***